

TỜ TRÌNH

V/v thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 tại kỳ họp thứ 9 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/6/2022 và các phụ lục sửa đổi bổ sung hiện hành,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế SOVILACO trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS), như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2023 hợp nhất toàn Công ty (gồm: Văn phòng và Trường TCN Nhân lực Quốc tế, Chi nhánh Nhật Bản)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.454,65
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.454,65
3	Giá vốn hàng bán	18.079,75
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.374,90
5	Doanh thu hoạt động tài chính	581,21
6	Chi phí tài chính	0,79
7	Chi phí bán hàng	31,82
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.616,53
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.306,96

10	Thu nhập khác	34,40
11	Chi phí khác	165,92
12	Lợi nhuận khác	(131,52)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.175,43
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	202,78
15	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	972,65
16	Cổ tức	-
17	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-
18	Quỹ đầu tư phát triển của Doanh nghiệp	-

Bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	19.943,52	25.239,36
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.100,07	1.350,53
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.500,00	10.800,00
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	11.116,42	12.488,56
4. Hàng tồn kho	140	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	150	227,01	600,26
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	41.993,71	42.466,05
1. Các khoản phải thu dài hạn	210	2.510,00	2.510,00
2. Tài sản cố định	220	37.479,39	38.347,85
3. Bất động sản đầu tư	230	-	-
4. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-



CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Tài sản dài hạn khác	260	2.004,32	1.608,19
<u>TỔNG TÀI SẢN</u>	<u>270</u>	<u>61.937,23</u>	<u>67.705,41</u>
I. NỢ PHẢI TRẢ	300	28.214,37	34.955,20
1. Nợ ngắn hạn	310	4.314,39	9.227,53
2. Nợ dài hạn	330	23.899,98	25.727,67
II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	33.722,86	32.750,20
1. Vốn chủ sở hữu	410	33.119,68	32.147,03
<i>Trong đó:</i>			
+ <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>		32.708,58	32.708,58
+ <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		(835,38)	(1.216,97)
+ <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>		972,65	381,58
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>		273,83	273,83
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	603,17	603,17
<u>TỔNG NGUỒN VỐN</u>	<u>440</u>	<u>61.937,23</u>	<u>67.705,41</u>



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Tổng Cty SCIC;
- CN phía nam SCIC;
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGĐ; BKS;
- Lưu: TKHĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Handwritten signature)

Nguyễn Ngọc Vũ Chương